

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 14 – 02 - 2025.

Về: “*Tranh chấp, hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1281/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXX-DS ngày 23 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ L, sinh năm: 1996; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp M, xã M,, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bà Hồ Thị Quốc L1, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Số D, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ hiện tại: Tổ E, ấp M, xã M,, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Ông Hồ Thanh T, sinh năm: 1968; địa chỉ cư trú: Số D, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa có mặt bà L, bà L1, vắng mặt ông B, ông T*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L trình bày:

Thông qua người quen công tác tại Ngân hàng, vào ngày 16/7/2024 bà cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B – bà Hồ Thị Quốc L1 cùng ông Hồ Thanh T vay 400.000.000đồng. Khi vay các ông bà: Bạc – Lịch, T có ký nhận nợ với thỏa thuận lãi suất 6% tháng và trong vòng 01 tháng làm thủ tục tại Ngân hàng vay lại trả cho bà. Tuy nhiên, đến ngày 20/7/2024 ông B trực tiếp trả lại 200.000.000đồng vốn; đồng thời trả riêng 9.200.000đồng nói là trả lãi. Phần còn lại 200.000.000đồng hẹn đến ngày 16/8/2024 trả đủ, nhưng đúng hẹn không trả mà đòi vay thêm, bà không đồng ý rồi kéo dài đến nay.

Nay bà yêu cầu cả ông B – bà L1 cùng ông T có nghĩa vụ liên đới trả 200.000.000đồng cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật, tương ứng thời gian và số tiền như sau: Phần 400.000.000đồng từ ngày 16/7/2024 đến ngày 20/7/2024; phần 200.000.000đồng từ ngày 21/7/2024 đến khi xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Thừa nhận ông là chồng của bà L1 và là em rể của ông T. Ông cũng thừa nhận vào ngày 16/7/2024 có cùng bà L1, ông T ký nhận vay của bà L 400.000.000đồng để sử dụng đáo hạn ngân hàng và hẹn trong khoảng 01 tháng trả cho bà L.

Quá trình thực hiện, do thủ tục tại Ngân hàng không thể vay ngay mà cần phải có thời gian, nên vào ngày 20/7/2024 ông mới mang trả lại cho L 400.000.000đồng, nhưng L chỉ nhận lại 200.000.000đồng, còn lại 200.000.000đồng bảo ông giữ lại đó, khi nhận 200.000.000đồng thì L lấy tiền lãi 9.200.000đồng, số tiền vốn còn lại 200.000.000đồng, do đến nay chưa thực hiện xong thủ tục nên chưa trả cho bà.

Nay ông xin hẹn sau 03 tháng, kể từ ngày 14/01/2025 vợ chồng ông sẽ thanh toán dứt nợ cho bà L, kể cả lãi suất theo quy định của pháp luật. Riêng ông T chỉ là người chứng kiến cho vợ chồng ông chứ không phải nhận tiền sử dụng cá nhân mình, nên xin loại trừ nghĩa vụ của ông T.

Bị đơn bà Hồ Thị Quốc L1 trình bày:

Thông nhất với toàn bộ nội dung trình bày của chồng bà (ông B), thừa nhận ngày 16/7/2024 có cùng ông B với ông T ký vay nợ bà L 400.000.000đồng và ngày 20/7/2024 cùng ông B trả cho bà L được 209.200.000đồng, còn nợ lại vốn 200.000.000đồng và lãi suất phát sinh, nay hẹn đến tháng 4/2025 trả dứt nợ.

Bị đơn ông Hồ Thanh T đã được tổng đạt thông báo về công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do. Tại biên bản lời khai ngày 21/01/2025 ông T trình bày:

Ông là anh ruột của bà L1, thừa nhận ngày 16/7/2024 có cùng vợ chồng ông B – bà L1 ký nhận vay của bà L 400.000.000đồng, theo giấy thỏa thuận xác nhận nợ mà bà L đã cung cấp. Tuy nhiên số tiền vay là do ông B – bà L1 sử dụng để trả cho Ngân hàng mà chính ông B – bà L1 đã nợ, chứ không phải ông, sau đó được biết chính ông B – bà L1 trực tiếp trả cho bà L 209.200.000đồng, phần nợ

còn lại là của ông B – bà L1, nên nay bà L yêu cầu ông có nghĩa vụ liên đới trả là ông không đồng ý.

Tại phiên tòa, bà L, bà L1 bảo lưu ý kiến của mình; riêng ông B, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ giấy thỏa thuận xác nhận nợ ngày 16/7/2024 thì chính cả ông B – bà L1 và ông T cùng ký nhận vay của bà L và việc giao nhận tiền là tại nhà ông T, nên ông T có nghĩa vụ liên đới cùng ông B – bà L1 trả cho bà L; bà L nhận 9.200.000đồng tiền lãi là cao, đề nghị HĐXX xem xét điều chỉnh lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn B, ông Hồ Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử trong trường hợp vắng mặt các ông B, T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông B – bà L1 và ông T vay nhưng các ông bà không trả dứt điểm, căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - Thẩm quyền: Thời gian cho vay là ngày 16/7/2024 thỏa thuận khi vay trong khoảng 01 tháng trả, nhưng các ông bà B – Lịch, T không thực hiện đúng, nên ngày 30/9/2024 bà L khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; ông B – bà L1 có nơi cư trú tại huyện C, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa các bên có lập thành văn bản, phương thức giao nhận tiền trực tiếp được các bên thỏa thuận trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên xem là hợp đồng vay hợp pháp.

Quá trình vay cũng như giai đoạn hòa giải tại Tòa, các ông bà B – Lịch, T cùng thừa nhận ngày 16/7/2024 ký nhận tiền của bà L 400.000.000đồng tại nhà của ông T, nên các ông bà B – L1, T có nghĩa vụ với bà L. Ông B – bà L1 khai ngày 20/7/2024 có trả cho bà L 209.200.000đồng, bà L thừa nhận, nên được khấu trừ.

Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng theo mức lãi 6% tháng cũng như việc thỏa thuận giao nhận nhau 9.200.000đồng tiền lãi của phần 400.000.000đồng từ ngày 16/7 đến ngày 20/7/2024 là cao, trong khi theo quy

định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì việc thỏa thuận lãi không vượt quá 20%/năm, nên cần phải điều chỉnh lại như sau:

Thời gian vay 400.000.000đồng ngày 16/7/2024 đến ngày 20/7/2021 là 05 ngày. Cụ thể: $400.000.000\text{đồng} \times 20\% \times (05/30/12) \text{ năm} = 1.111.000 \text{ đồng}$.

Tổng vốn + lãi đến ngày 20/7/2024 là $400.000.000\text{đồng} + 1.111.000\text{đồng} = 401.111.000\text{đồng}$, nhưng bà L đã nhận 209.200.000đồng, nên được khấu trừ $(401.111.000\text{đồng} - 209.200.000\text{đồng})$ còn lại 191.911.000đồng.

Lãi suất phần 191.911.000 đồng từ ngày 21/7/2024 đến nay (14/02/2025) là 06 tháng 24 ngày. Cụ thể: $191.911.000 \text{ đồng} \times 20\% \times (24/30/12)/\text{năm} = 25.588.000\text{đồng}$.

Tổng cộng vốn + lãi phải trả cho bà L là $191.911.000\text{đồng} + 25.588.000\text{đồng}$ bằng 217.499.000đồng.

Đối với phản bác của ông Hồ Thanh T. Xét thấy: Nội dung Giấy thỏa thuận xác nhận nợ ngày 16/7/2024 thể hiện rõ bên ký nhận nợ là ông Nguyễn Văn B – bà Hồ Thị Quốc L1 và ông Hồ Thanh T mà không phải ông T ký với tư cách là bên chứng kiến; hơn nữa tại biên bản lời khai ngày 21/01/2025 ông cũng thừa nhận khi bà L giao tiền là giao tại nhà ông thuộc phường M, thành phố L và chính ông với ông B – bà L1 cùng nhận, nên ông phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông B – bà L1 trả cho bà L theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Ông B – bà L1 xin chịu trách nhiệm cá nhân trả cho bà L mà không phải buộc ông T có nghĩa vụ liên đới, nhưng không được bà L đồng ý, nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà Đỗ Thị Mỹ L được chấp nhận, nên bà L không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng phí mà bà L đã nộp. Riêng ông B – bà L1, ông T phải cùng chịu án phí dân sự do toàn bộ yêu cầu của bà L được chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 288 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mỹ L.

Buộc ông Nguyễn Văn B – bà Hồ Thị Quốc L1 và ông Hồ Thanh T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Mỹ L 217.499.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B – bà Hồ Thị Quốc L1 và ông Hồ Thanh T phải cùng chịu 10.874.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới hoàn trả cho bà Đỗ Thị Mỹ L 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0023463 ngày 21/10/2024.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/02/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện Chợ Mới;
- THADS Chợ Mới để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ